

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY TNHH XDTH NGUYỄN PHÁT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 4101452296 ngày, tháng, năm cấp 05/11/2015 cơ quan cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định

Địa chỉ: Số 141 Ngô Thị Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0914175894

Email: nguyenphattayson@gmail.comWebsite: <https://nguyenphatlas-xd1579.com>

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định công trình LAS-XD 1579

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 88 Ngô Thị Nhậm, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai

Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): Xã Vân Canh, tỉnh Gia Lai

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
THỬ NGHIỆM XI MĂNG				
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng, bề mặt riêng (tỷ diện)	TCVN 13605:2023	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng, bộ tỷ diện xi măng.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	Máy trộn vữa JJ5, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy nén xi măng, bộ gá nén xi măng, bộ gá uốn xi măng	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ

3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích và hàm lượng bọt khí trong vữa và xi măng	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, cân kỹ thuật (0,01g), đồng hồ bấm giây, máy trộn vữa JJ5, thùng lược mẫu, Khuôn Le Chatelier...	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lựu
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO VỮA, BÊ TÔNG VÀ CÁP PHỐI VẬT LIỆU				
1	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân điện tử chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy 300 độ C	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lựu
2	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Cân điện tử chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Thiết bị dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lựu
3	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân điện tử chính xác 0,01g, Tủ sấy 300 độ C, Bình thủy tinh các loại, Thùng ngâm mẫu, Khay chứa mẫu các loại, Côn thử độ hấp phụ nước của cát, Bình hút ẩm, sàng 5mm.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lựu
4	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Bộ cân thủy tinh độ chính xác 0,1g, cân điện tử 15kg x0.5g, thùng ngâm mẫu, thước kẹp 200mm, tủ sấy 300 độ C.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lựu
5	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Phễu chứa vật liệu, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy 300 độ C, thước lá	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lựu
6	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Tủ sấy 300 độ C, dụng cụ đảo mẫu	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lựu

7	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-8:2006	Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Tủ sấy 300 độ C, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lượ
8	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống dung tích 100ml- 250ml, Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Bếp cách thủy, Sàng các loại, thang màu, thuốc thử	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lượ
9	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén thủy lực, thùng ngâm mẫu, thước kẹp	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lượ
10	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén thủy lực, xi lanh thép, Cân điện tử 15kg $\pm 0,5g$	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lượ
11	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	Máy Losangeles, bi thép, Cân điện tử 15kg $\pm 0,5g$; Bộ sàng cốt liệu, Tủ sấy 300 độ C	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lượ
12	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân điện tử 15kg $\pm 0,5g$; Bộ sàng tiêu chuẩn, Thước kẹp cải tiến, Tủ sấy 300 độ C	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Võ Bùi Thanh Việt Nguyễn Thị Lượ
THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM				
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	Máy đo độ kim lún bao gồm (nhiệt kế, cốc chứa mẫu, TB cấp nhiệt, TB điều hòa nhiệt độ)	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Máy kéo dài (5cm $\pm 0,5$ cm/ph) (nhiệt kế,	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương

			khay đựng nước, TB gia nhiệt, TB đun chảy nhựa) Khuôn bằng đồng.	
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Khuôn tròn có đk trong Φ $15.9 \pm 3\text{mm}$ cao $6.4 \pm 4\text{mm}$ để chứa nhựa đường, Bi thép (Φ $9,5 \pm 0,03\text{mm}$), nặng $3,5 \pm 0,05\text{g}$, -Khuôn treo, Vòng dẫn hướng của bi thép Bình thủy tinh có dung tích 800ml, Nhiệt kế (200°C , chia $0,5^{\circ}\text{C}$), Bộ dụng cụ cấp nhiệt...	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
4	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường, Nhiệt kế thủy tinh (400°C , chia $0,5^{\circ}\text{C}$), Đồng hồ bấm giây. Bình ga gia nhiệt	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
5	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005	Giá quay tổn thất 5v/p, tủ sấy 300°C , hộp nhôm	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
6	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloetylen	TCVN 7500:2023	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy, cốc phân tách	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
7	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	Bình tỷ trọng, thùng ỏn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
8	Độ dính bám đá - nhựa đường	TCVN 7504:2005	Cốc mỏ, bếp điện, tủ sấy, giá treo mẫu	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG				
1	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	Thiết bị bốc thí nghiệm bốc cháy nhựa	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương

2	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Thiết bị chung chất nhũ tương, nhựa đường, cân chính xác 0,01g, ống đong.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
3	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011	Thiết bị chung chất nhũ tương, nhựa đường, cân chính xác 0,01g, ống đong.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Bộ côn thử độ sụt bê tông, thước đo; Đồng hồ đo thời gian	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
2	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn đúc mẫu 20x20cm, bàn rung, cân điện tử độ chính xác 0.1g; Sàng 5mm, thước lá, tủ sấy 300 độ C, khay chứa mẫu, thùng đong 5 lít, 10 lít, ống đong 50ml-200ml, pipet.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
3	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022	Bình tỷ trọng 100ml, cân điện tử độ chính xác 0.01g, tủ sấy 300 độ C, bếp cách cát, sàng 5; 1,25; 0,125mm, bình hút ẩm	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
4	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	cân điện tử độ chính xác 0.1g; Tủ sấy 300 độ C, bình hút ẩm	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
5	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3115:2022	Cân điện tử có cấp chính xác 0,1g, thước lá chính xác 1mm, bình hút ẩm, tủ sấy 300 độ C.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
7	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén bê tông 2000KN, thước lá, khuôn đúc mẫu bê tông 150x150 vuông	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương

8	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén bê tông 2000KN, thước lá, bộ gá uống, khuôn đúc mẫu uốn.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
9	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	Máy nén bê tông 2000KN, thước lá, bộ gá uống, khuôn đúc mẫu uốn.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
10	Xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012	Bộ thí nghiệm xác định thời gian đông kết của bê tông, Nhiệt kế, Pipet	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
11	Xác định, thiết kế thành phần cấp phối bê tông các loại	TCVN9382:2012; TCVN 10306:2014 TCVN 12394:2018 QĐ 778/1998/QĐ-BXD	Bộ sàng cốt liệu lớn, bộ sàng cốt liệu nhỏ, sàng 0,09mm; cân điện tử 15kg; cân điện tử 320g độ chính xác 0,001g, tủ sấy 300 độ C; phễu và bộ thùng đóng xác định KL thể tích xếp cốt liệu, bình KL riêng	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, tủ sấy, nhiệt kế 250°C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; cốc nung, C ₂ HCl ₃ , (NH ₄) ₂ CO ₃ và các dụng cụ phụ trợ.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật chính xác 0,1g, tủ sấy.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bộ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa, cân chính xác 0,1g, nhiệt kế chính xác 1°C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương

5	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân chính xác 0,1g, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1°C	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đồng bằng thép D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Phương pháp tính toán	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Phương pháp tính toán	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Phương pháp tính toán	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Phương pháp tính toán	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Phương pháp tính toán	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
13	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	Phương pháp tính toán	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
VẬT LIỆU KIM LOẠI				
1	Thử kéo	TCVN 197:2014	Máy kéo thử vạn năng, Thước kẹp, Cân kỹ thuật Thước lá kim loại.	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
2	Thử uốn	TCVN 198:2014	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,...)	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương

3	Mối hàn kim loại - Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:2010 TCVN 5403:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ, Thước kẹp, Cân kỹ thuật (0,1g), Thước lá kim loại; Các thiết bị, dụng cụ khác ...	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
5	Mối hàn- Phương pháp thử kéo dọc, kéo ngang	TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010	Máy kéo nén đa năng; thước lá; dụng cụ dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
6	Xác định chiều dày lớp sơn phủ, lớp phủ mạ kẽm	TCVN 9406:2012 TCVN 5878:2007 TCVN 5408:2007	Máy đo chiều dày lớp phủ, lớp mạ	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
9	Xác định khuyết tật bề mặt	TCVN 4795:1989 TCVN 4796:1989	Quan sát ngoại quan bằng mắt	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG				
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g; Bộ chày cối bằng đồng; Rây có lưới 2mm; Bếp cách cát; Tủ sấy 300 độ C; Bình hút chân không; Tỷ trọng kế; Thiết bị ổn nhiệt	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
2	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g; Bình hút ẩm có CaClorua; Rây ĐK 1mm; Cốc sứ; Chày sứ; Khay	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Rây ĐK 1mm; Cốc sứ; Chày sứ; Khay; Bình thủy tinh; Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g; Hộp nhôm; Tủ sấy; Bình hút ẩm	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Bộ sàng tiêu chuẩn; Cân điện tử 15kg±0,5g; Cân điện tử độ chính xác 0,01g; Tủ sấy 300 độ C; Máy lắc sàng; Nhiệt kế;	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương

			Bình hút ẩm; Bộ chày cối bằng đồng; Thiết bị dùng chung	
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 1995	Máy cắt đất 2 tốc độ	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén đất tam liên	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn; Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2015 TCVN 12790: 2020	Máy đầm nén tiêu chuẩn Proto; Tủ sấy 300 độ C; Khuôn tiêu chuẩn; Cân kỹ thuật chính xác 0,01g; Dụng cụ dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
8	Đất xây dựng: Xác định khối lượng thể tích PP dao vòng; PP bọc sáp; PP đo thể tích dầu hỏa	TCVN 4202:2012	Bộ dụng cụ dao vòng; Tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g; Thước cặp; Dụng cụ dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
9	Xác định tỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792: 2020	Thiết bị gia tải; đồng hồ đo biến dạng; Bộ khuôn CBR; tấm đệm; Máy đầm nén tiêu chuẩn Protor; Bể ngâm mẫu; Tủ sấy; Cân điện tử 15kg $\pm$ 0,5g; Bộ dụng cụ dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
11	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012	Bộ dụng cụ dao vòng; Thiết bị thử thấm; Dụng cụ chế bị mẫu; Bộ sàng; Cân kỹ thuật các loại; Dụng cụ dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
12	Xác định khối lượng thể tích nhỏ nhất, lớn nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012	Máy đầm protor+ cối đầm; Tủ sấy; Cân kỹ thuật các loại; Bộ sàng tiêu chuẩn; Thùng đóng; Thước cặp; Bộ dụng cụ dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
1	Xác định độ chặt hiện trường – PP dao đai	TCVN 12791: 2020	Bộ dụng cụ dao vòng; tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 0,1g;	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương

			Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g	
2	Xác định khối lượng KL thể tích, độ chặt hiện trường: đất PP rót cát	TCVN 8729:2012 TCVN 8859: 2020	Bộ dụng cụ rót cát; Tủ sấy 300 độ C; Cân điện tử 15kg ±0,5g; Bộ dụng cụ dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
3	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân điện tử độ chính xác 0,01g; Bình hút ẩm; Bộ dụng cụ dùng chung; Cồn 96 độ	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
4	Độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng dài 3m; Con nêm; Chổi quét	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
5	PP thử nghiệm modul đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Hệ thống chất tải, kích thủy lực; Tấm ép cứng; Đồng hồ đo biến dạng; Giá đỡ, Thước livo	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
6	XĐ modul đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần đo Benkelman; Thước kiểm tra độ sai lệch; Bộ dụng cụ dùng chung	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
7	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Cát tiêu chuẩn; Ống đồng; Bàn xoa; Thước lá; Cân điện tử độ chính xác 0,1g	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
8	Đo điện trở đất	TCVN 9385: 2012	Máy đo điện trở đất	Võ Bùi Thanh Việt
9	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020	Máy nén thủy lực, thước keo, thước nivo; Cân điện tử, Bộ dụng cụ gia công mẫu	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
10	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012	Kích thủy lực Bộ dầm chất tải, tải trọng, bộ gá đồng hồ so, gá từ	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Cân điện tử độ chính xác 0,1g; Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy 300 độ C	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lựu

2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Thước kẹp; Bàn giản; Khâu hình côn; Chày đầm	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật độ chính xác 1g; Bình đong có thể tích 1L	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa	TCVN 3121-8:2022	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp chân không, Phễu rót, Đồng hồ bấm giây, Giấy lọc; Các thiết bị, dụng cụ khác ...	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Bộ Vica, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Đồng hồ bấm giây, Tủ dưỡng mẫu; Các thiết bị, dụng cụ khác ...	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu của vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật độ chính xác 0,1g; Thước kẹp; Tủ sấy 300 độ C; Parafin	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ
8	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Khuôn vữa kẹp 3; Tủ sấy 300 độ C; Máy nén vữa; Bộ gá thử nén, uốn	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ
9	Xác định độ hút nước do mao dẫn của vữa đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Khay có chiều sâu ít nhất 20mm, Đồng hồ bấm giây, Cân kỹ thuật độ chính xác 0.1g, Tủ sấy, Thùng lưu mẫu, Khuôn kim loại 160x40x40mm; Các thiết bị, dụng cụ khác ...	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ
10	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co: Độ chảy, độ tách nước, cường độ chịu nén, thay đổi chiều cao cột vữa tại	TCVN 9204:2012	Thùng kim loại hình trụ, dung tích 2l; Cân kỹ thuật; Máy thử cường độ nén; Đồng hồ đo biến dạng;	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lượ

	lúc đông kết, chiều dài mẫu vừa đông rắn.			
11	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan tỏa, độ tách nước, thay đổi thể tích trong quá trình đông kết, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018	Thùng bảo dưỡng mẫu Ổng đông, ống hình trụ, sàng Côn xác định độ chảy Thước đo chiều dài, nhiệt kế Máy nén, tấm gá nén	Võ Thái Hưng Nguyễn Trương Nguyễn Thị Lựu
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY				
1	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước đo độ chính xác 0,1mm	Hà Việt Tuấn
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén thủy lực; Bộ dụng cụ dùng chung	Hà Việt Tuấn
3	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén thủy lực; Bộ gá uốn ;Bộ dụng cụ dùng chung	Hà Việt Tuấn
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 1g	Hà Việt Tuấn
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 1g, thước kẹp	Hà Việt Tuấn
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật độ chính xác 1g, thùng chứa mẫu	Hà Việt Tuấn
7	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009	Khay chứa; Tủ sấy 300 độ C; Bàn chải	Hà Việt Tuấn
8	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ rỗng, cường độ chịu nén, độ thấm nước, độ hút nước	TCVN 6477:2016	Thước lá có vạch chia đến 1 mm; Chảo trộn hồ xi măng; Máy nén có thang lực thích hợp Cân kỹ thuật Tủ sấy	Hà Việt Tuấn
10	Gạch bê tông tự chèn: Xác định Kích thước, Độ dày lớp màu,	TCVN 6476:1999	Thước lá bằng kim loại có vạch chia đến 1mm. Máy nén có thang lực	Hà Việt Tuấn

TCVN
★

	khuyết tật ngoại quan, cường độ nén		thích hợp. Bộ má ép bằng thép.	
11	Gạch Terazzo: Xác định sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ bền thời tiết, chiều dày lớp mặt, hệ số ma sát	TCVN 7744:2013	Thước calip chuyên dụng hoặc thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; Thước nivô có độ chính xác 0,1 mm; Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ. Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Thùng hay bể ngâm mẫu. Máy cưa để cắt mẫu thử Bộ thiết bị hệ số ma sát con trượt	Hà Việt Tuấn
12	Gạch xi măng lát nền: Xác định tải trọng uốn gãy, độ chịu lực va đập xung kích, độ mài mòn, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995	Thước cặp kim loại, chính xác đến 0,01mm; Cân kỹ thuật, chính xác đến 0,1 g; Tủ sấy Viên bi sắt hình cầu có đường kính 30mm Thước ống dài 1000mm chính xác đến 1mm. máy kéo nén đa năng 1000KN.	Hà Việt Tuấn

Công ty TNHH XDTH Nguyên Phát chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

(Signature)
Nguyễn Thanh Hùng